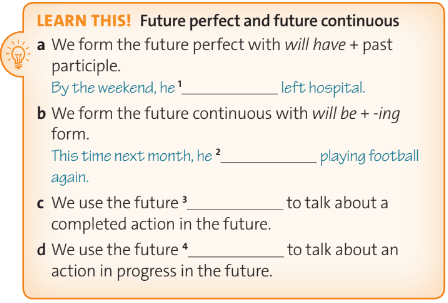
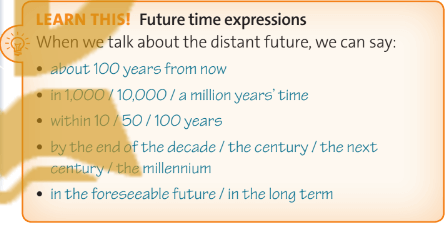
# Unit 3D. Grammar (trang 40)

**Tiếng Anh 11 Unit 3D Grammar trang 40 - Friends Global**  
**1 (trang 40 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: What differences can you see between the first and last pair of photos? *(Bạn có thể nhận thấy sự khác biệt nào giữa cặp ảnh đầu tiên và cặp ảnh cuối cùng?)*  
  
**Gợi ý:**  
In the last photo, the people have bigger eyes, larger noses and nostrils, larger brains and foreheads and darker skin.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong bức ảnh cuối cùng, mọi người có mắt to hơn, mũi và lỗ mũi lớn hơn, não và trán lớn hơn và da sẫm màu hơn.  
  
**2 (trang 40 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article. Did you mention any differences in exercise 1 that are not mentioned in the text? *(Đọc bài viết. Bạn có đề cập đến bất kỳ sự khác biệt nào trong bài tập 1 mà không được đề cập trong văn bản không?)*  
How will the human body have changed in 100,000 years? That was the question artist Nickolay Lamm asked genetics expert Dr Alan Kwan. After their discussion, Mr Lamm came up with some interesting predictions.  
In the distant future:  
\* Humans will be living in other parts of the solar system. As a result, our eyelids will have become thicker to protect our eyes from radiation.  
\* Our nostrils will have grown larger to cope with less oxygen in other atmospheres.  
\* The size of our skull will have increased because our brain will have got larger.  
\* We will be using a nano-chip inside our head to receive images and sound for entertainment and communication.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Cơ thể con người sẽ thay đổi như thế nào sau 100.000 năm nữa? Đó là câu hỏi mà nghệ sĩ Nickolay Lamm đã hỏi chuyên gia di truyền học, Tiến sĩ Alan Kwan. Sau khi thảo luận, ông Lamm đã đưa ra một số dự đoán thú vị.  
Trong tương lai xa:  
\* Con người sẽ sống ở những nơi khác của hệ mặt trời. Kết quả là, mí mắt của chúng ta sẽ trở nên dày hơn để bảo vệ mắt khỏi bức xạ.  
\* Lỗ mũi của chúng ta sẽ lớn hơn để hít thở lượng ôxy ít hơn ở bầu khí quyển khác.  
\* Kích thước hộp sọ của chúng ta sẽ tăng lên vì bộ não của chúng ta sẽ lớn hơn.  
\* Chúng ta sẽ sử dụng một con chip nano bên trong đầu để nhận hình ảnh và âm thanh nhằm mục đích giải trí và liên lạc.  
  
**3 (trang 40 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Complete the examples and rules. How many more examples of each tense can you find in the article? *(Đọc bảng Learn this!. Hoàn thành các ví dụ và quy tắc. Bạn có thể tìm thêm bao nhiêu ví dụ về mỗi thì trong bài viết?)*  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. will have  
  
  
2. will be  
  
  
3. perfect  
  
  
4. continuous  
  
  
  
  
- Examples of future perfect in the article (Các ví dụ của thì tương lai hoàn thành trong bài viết):  
How will the human body have changed in 100,000 years?  
As a result, our eyelids will have become thicker …  
Our nostrils will have grown larger …  
The size of our skull will have increased …  
…..our brain will have got larger.  
- Examples of future perfect in the article (Các ví dụ của thì tương lai tiếp diễn trong bài viết):  
Humans will be living in other parts of the solar system.  
… we will be using a nano-chip inside our head …  
**Hướng dẫn dịch:**  
Learn this! Thì tương lai hoàn thành và tương lai tiếp diễn:  
a. Chúng ta hình thành cấu trúc thì tương lai hoàn thành bằng cách: will have + quá khứ phân từ.  
By the weekend, he will have left hospital. (Đến cuối tuần, anh ấy đã xuất viện rồi.)  
b. Chúng ta hình thành công thức thì tương lai tiếp diễn bằng cách: will be + V-ing.  
This time next month, he will be playing football again. (Bằng giờ tháng sau, anh ta lại đang chơi bóng đá. )  
c. Chúng ta dùng thì tương lai hoàn thành để nói về 1 hành động đã hoàn thành trong tương lai.  
d. Chúng ta dùng thì tương lai tiếp diễn để nói về 1 hành động đang diễn ra trong tương lai.  
  
**4 (trang 40 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete the sentences using the correct future continuous or future perfect form of the verbs in brackets. *(Hoàn thành các câu sử dụng dạng tương lai tiếp diễn hoặc tương lai hoàn thành đúng của động từ trong ngoặc.)*  
1. Five hours from now, we \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (finish) this English lesson.  
2. My brother is at university, but in two years’ time, he \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_(work).  
3. Hopefully, I \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not live) with my parents when I'm thirty.  
4. I’m sure the party will be a big surprise for her. Nobody \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (tell) her about it.  
5. According to the weather forecast, the sun \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (shine) all day tomorrow.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. will have finished  
  
  
2. will be working  
  
  
3. won’t be living  
  
  
  
  
4. will have told  
  
  
5. will be shining  
  
   
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Chúng ta dùng thì tương lai hoàn thành để nói về 1 hành động đã hoàn thành trong tương lai.  
2. Chúng ta dùng thì tương lai tiếp diễn để nói về 1 hành động đang diễn ra trong tương lai.  
3. Chúng ta dùng thì tương lai tiếp diễn để nói về 1 hành động đang diễn ra trong tương lai.  
4. Chúng ta dùng thì tương lai hoàn thành để nói về 1 hành động đã hoàn thành trong tương lai.  
5. Chúng ta dùng thì tương lai tiếp diễn để nói về 1 hành động đang diễn ra trong tương lai.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Năm giờ nữa, chúng ta sẽ kết thúc bài học tiếng Anh này.  
2. Anh trai tôi đang học đại học, nhưng sau hai năm nữa, anh ấy sẽ đang đi làm.  
3. Hy vọng rằng tôi sẽ không phải sống với bố mẹ khi tôi ba mươi tuổi.  
4. Tôi chắc rằng bữa tiệc sẽ là một bất ngờ lớn dành cho cô ấy. Chưa ai nói cho cô ấy biết về nó.  
5. Theo dự báo thời tiết, ngày mai trời sẽ nắng cả ngày.  
  
**5 (trang 40 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: USE OF ENGLISH Read the Learn this! box. Add two more time expressions from the article in exercise 2. *(Đọc bảng Learn this!. Thêm hai cụm từ và cách diễn tả thời gian nữa từ bài viết ở bài tập 2.)*  
  
**Đáp án:**  
in 100,000 years (trong 100.000 năm nữa); in the distant future (trong tương lai xa)  
**Hướng dẫn dịch:**  
Learn this! Các cụm từ và cách diễn tả thời gian:  
Khi chúng ta nói về tương lai xa, chúng ta có thể nói:  
\* about 100 years from now (khoảng 100 năm nữa)  
\* in 1,000 / 10,000 / amillion years time (trong khoảng 1.000/ 10.000/ 1 triệu năm nữa)  
\* within 10 / 50 / 100 years (trong vòng 10/ 50/ 100 năm)  
\* by the end of the decade / the century / the next century / the millennium (vào cuối thập kỉ/ thế kỉ/ thế kỉ tiếp theo/ thiên niên kỉ)  
\* in the foreseeable future / in the long term (trong tương lai gần/ về dài hạn)  
  
**6 (trang 40 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Read the prompts. Then in pairs, make predictions using the future continuous or future perfect and a suitable time expression. Do you agree with your friend? *(Đọc các từ gợi ý. Sau đó theo cặp, đưa ra dự đoán bằng cách sử dụng thì tương lai tiếp diễn hoặc tương lai hoàn thành và một cụm từ chỉ thời gian phù hợp. Bạn có đồng tình với bạn của bạn không?)*  
1. Scientists / find a cure for most diseases  
2. Most people / live to 200  
3. New diseases / appear  
4. Computers / manage all major companies  
5. The Earth / fight wars against other planets  
I think / don’t think scientists will have found a cure for most diseases by the end of the century. (Tôi nghĩ/ không nghĩ rằng các nhà khoa học sẽ tìm ra phương pháp điều trị ung thư vào cuối thập kỉ.)  
I'm not sure I agree. / That’s what I think too. (Tôi không chắc là tôi đồng ý với bạn./ Đó cũng là những gi tôi nghĩ.)  
**Gợi ý:**  
2. I think / don’t think most people will be living to 200 years from now.  
3. I think / don’t think new diseases will have appeared in 1,000 years’ time.  
4. I think / don’t think computers will be managing all major companies in the foreseeable future.  
5. I think / don’t think the earth will be fighting wars against other planets 10,000 years from now.  
**Hướng dẫn dịch:**  
2. Tôi nghĩ/ không nghĩ rằng hầu hết mọi người sẽ sống tới 200 tuổi từ giờ trở đi.  
3. Tôi nghĩ/ không nghĩ rằng chủng bệnh mới sẽ xuất hiện trong vòng 1.000 năm nữa.  
4. Tôi nghĩ/ không nghĩ rằng máy tính sẽ quản lí tất cả các công ty lớn trong tương lai gần.  
5. Tôi nghĩ/ không nghĩ rằng Trái Đất sẽ xảy ra chiến tranh với các hành tinh khác 10.000 năm nữa.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 3A. Vocabulary (trang 36, 37)  
Unit 3B. Grammar (trang 38)  
Unit 3C. Listening (trang 39)  
Unit 3E. Word Skills (trang 41)  
Unit 3F. Reading (trang 42, 43)  
Unit 3G. Speaking (trang 44)  
Unit 3H. Writing (trang 45)  
Unit 3I. Culture (trang 46)  
Review Unit 3 (trang 47)  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit I: Introduction  
Unit 1: Generations  
Unit 2: Leisure time  
Unit 4: Home